

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 46/2023/HSST
Ngày 16-5-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ**

- T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tiến Nghị

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trò
2. Bà Hoàng Thị Gấm

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2023/TLST-HS ngày 27/4/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HS ngày 04/5/2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1994 tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT: Khu G 1, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Bố đẻ: Nguyễn Văn T (đã chết); Mẹ đẻ: Hoàng Thị K, sinh năm 1969, hiện ở xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Vợ: Bùi Thị H, sinh năm 1999, hiện ở xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Bị cáo có 02 con, (lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2022); Tiền sự, Tiền án: Không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 27/01/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 28/01/2023. Hiện đang tại ngoại tại xã M, huyện C.

2. Trịnh Huy H, sinh năm 1994 tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT: Khu G 1, xã M, huyện C tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Quốc

tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: C nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Bố đẻ: Trịnh Bá P, sinh năm 1971; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1974, hiện đều ở xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Vợ: Nguyễn Thị Huyền N, sinh năm 1992, hiện ở xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Bị cáo có 01 con sinh năm 2023; Tiền sự, Tiền án: Không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 27/01/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 28/01/2023. Hiện đang tại ngoại tại xã M, huyện C.

3. Trần Văn C, sinh năm 1994 tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT: Khu C 1, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Bố đẻ: Trần C B (đã chết); Mẹ đẻ: Bùi Thị T, sinh năm 1963, hiện ở xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, Tiền án: Không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 27/01/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 28/01/2023. Hiện đang tại ngoại tại xã M, huyện C.

4. Trịnh Tiến T, sinh năm 1994 tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT: Khu Đ 1, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Bố đẻ: Trịnh Bá D, sinh năm 1960; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị U, sinh năm 1960, hiện đều ở xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1996, hiện ở xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Bị cáo có 02 con (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2022); Tiền sự, Tiền án: Không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 27/01/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 28/01/2023. Hiện đang tại ngoại tại xã M, huyện C.

5. Nguyễn C H1, sinh năm 1994 tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT: Khu C 2, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Bố đẻ: Nguyễn C H, sinh năm 1969; Mẹ đẻ: Bùi Thị T, sinh năm 1971, hiện đều ở xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Vợ: Dương Thị Ngọc H, sinh năm 1994, hiện ở xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Vợ, Con: Chưa có; Tiền sự, Tiền án: Không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 27/01/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 28/01/2023. Hiện đang tại ngoại tại xã M, huyện C.

6. Trịnh Minh D, sinh năm 1994 tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT: Khu Đặng 1, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Trình độ học vấn: 12/12; Bố đẻ: Trịnh Tiến N, sinh năm 1971; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1973, hiện ở xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Vợ: Quán Thị H, sinh năm 1999, hiện ở xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Bị cáo có 01 con sinh năm 2022; Tiền sự, Tiền án: Không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 27/01/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 28/01/2023. Hiện đang tại ngoại tại xã M, huyện C.

7. Trịnh Bá Ch, sinh năm 1994 tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKKHKT: Khu Công 2, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Bố đẻ: Trịnh Bá C, sinh năm 1965; Mẹ đẻ: Bùi Thị L, sinh năm 1969, hiện đều ở xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, Tiền án: Không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 27/01/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 28/01/2023. Hiện đang tại ngoại tại xã M, huyện C.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 26/01/2023, Nguyễn Văn T cùng Trịnh Huy H, Trần Văn C, Trịnh Minh D, Trịnh Tiến T, Nguyễn C H1 và Trịnh Bá Ch đến quán sửa xe máy của nhà Nguyễn Văn T ở khu S, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ chơi và ngồi uống nước với nhau. Khoảng 05 phút sau Trịnh Minh D đã rủ các đối tượng trên đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây được thua bằng tiền, tất cả đều đồng ý (lúc này gia đình T chỉ có một mình T ở quán). Các đối tượng ngồi trên chiếc bàn cạ cũ và 04 bìa cát tông được trải sẵn trên nền quán để đánh bạc. H1 lấy bộ bài tú lơ khơ có sẵn ở quán đưa cho C. C là người cầm cái (cầm chương) và chia bài ván đầu tiên. Khi đánh bạc các đối tượng không phải nộp tiền hồ cho ai.

Trước khi tham gia đánh bạc Nguyễn Văn T có 2.100.000đ, Nguyễn C H1 có 600.000đ, Trịnh Minh D có 210.000đ, Trịnh Huy H có 1.100.000đ, Trịnh Tiến T1 có 650.000đ, Trần Văn C có 940.000đ, các đối tượng này sử dụng toàn bộ số tiền trên vào mục đích đánh bạc. Trước khi đánh bạc Trịnh Bá Ch có 1.800.000đ, Ch lấy ra 100.000đ để trên chiếu trước mặt để đánh bạc, số tiền 1.700.000đ còn lại Ch cất trong ví, không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 5.700.000đ.

Các đối tượng trên đánh bạc liên tục đến 23 giờ 55 phút cùng ngày thì bị C an xã M phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.700.000đ, 01 mảnh cò đã cũ, 04 tấm bìa cát tông và 36 quân bài tú lơ khơ. Tạm giữ của Trịnh Bá Ch 01 ví giả da màu đen bên trong có 1.700.000đ.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T, Trịnh Huy H, Trần Văn C, Trịnh Minh D, Trịnh Tiến T, Nguyễn C H1 và Trịnh Bá Ch đều đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau về phương thức, thủ đoạn, thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 31/2023/CT-VKSCK-HS, ngày 26/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đã quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Huy H, Trần Văn C, Trịnh Tiến T, Nguyễn C H1, Trịnh Minh D và Trịnh Bá Ch về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại D Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Huy H, Trần Văn C, Trịnh Minh D, Trịnh Tiến T, Nguyễn C H1, Trịnh Bá Ch.

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn T, Trịnh Huy H, Trần Văn C, Trịnh Minh D, Trịnh Tiến T, Nguyễn C H1, Trịnh Bá Ch phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 27.000.000đ đến 29.000.000đ để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Huy H và bị cáo Trần Văn C mỗi bị cáo từ 25.000.000đ đến 27.000.000đ để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Tiến T1 và bị cáo Nguyễn C H1 mỗi bị cáo từ 22.000.000đ đến 24.000.000đ để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Minh D và bị cáo Trịnh Bá Ch mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 22.000.000đ để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu số tiền 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) để nộp vào

Ngân sách nhà nước.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 mảnh cộ đã cũ, 04 tấm bìa cát tông và 36 quân bài tú lơ khơ.

- Trả lại cho Trịnh Bá Ch: 01 ví giả da màu đen và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành: 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ 1.700.000đồng để đảm bảo thi hành án.

4. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

Buộc các bị cáo: Nguyễn Văn T, Trịnh Huy H, Trần Văn C, Trịnh Minh D, Trịnh Tiến T, Nguyễn C H1, Trịnh Bá Ch mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Huy H, Trần Văn C, Trịnh Minh D, Trịnh Tiến T, Nguyễn C H1 và Trịnh Bá Ch đều không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự:

Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của Điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ buộc tội:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ khoảng 23 giờ 35 phút đến 23 giờ 55 phút ngày 26/01/2023, tại quán sửa xe của nhà Nguyễn Văn T ở khu Sâu 1, xã M, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Văn T cùng Trịnh Huy H, Trần Văn C, Trịnh Minh D, Trịnh Tiến T, Nguyễn C H1 và Trịnh Bá Ch đã có hành

vi đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây được thua bằng tiền với tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng). Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu T tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Do vậy, quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự C cộng, gây mất trật tự trị an ở địa phương, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân:

Trước lần phạm tội này, tất cả các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Huy H, Trần Văn C, Trịnh Minh D, Trịnh Tiến Tư, Nguyễn C H1 và Trịnh Bá Ch đều có nhân thân tốt.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Huy H, Trần Văn C, Trịnh Minh D, Trịnh Tiến T, Nguyễn C H1 và Trịnh Bá Ch đều lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tất cả các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án nhận thấy: số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc tuy có khác nhau nhưng các bị cáo đã cùng nhau thực hiện tội phạm và thực hiện đến khi bị phát hiện. Bị cáo Nguyễn Văn T so với các bị cáo còn lại có vai trò tích cực hơn. Do đó khi quyết định hình phạt cần xem xét để áp dụng mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, trên cơ sở để phục vụ C tác đấu tranh chống, phòng ngừa tội phạm và tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng có tác dụng để giáo dục riêng và phòng ngừa chung, thể hiện đường lối xét xử hình sự và chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự, thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, do đã áp dụng

hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng:

Đối với 01 mảnh cộ đã cũ, 04 tấm bìa cát tông và 36 quân bài tú lơ khơ. Đây là vật mà các bị cáo sử dụng để làm C cụ thực hiện hành vi phạm tội đánh bạc và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với số tiền 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đây là khoản tiền do các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 ví giả da màu đen bên trong có 1.700.000đ tạm giữ của Trịnh Bá Ch không sử dụng vào mục đích đánh bạc, cần trả lại cho bị cáo Trịnh Bá Ch nhưng cần tạm giữ 1.700.000đồng để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Huy H, Trần Văn C, Trịnh Minh D, Trịnh Tiến Tư, Nguyễn C H1 và Trịnh Bá Ch phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Huy H, Trần Văn C, Trịnh Minh D, Trịnh Tiến Tư, Nguyễn C H1, Trịnh Bá Ch.

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn T, Trịnh Huy H, Trần Văn C, Trịnh Minh D, Trịnh Tiến T, Nguyễn C H1, Trịnh Bá Ch phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Huy H 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn C 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Tiến T1 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn C H1 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Minh D 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Bá Ch 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

2. *Về hình phạt bổ sung*: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu số tiền 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 mảnh cộ đã cũ, 04 tấm bìa cát tông và 36 quân bài tú lơ khơ.

- Trả lại cho Trịnh Bá Ch: 01 ví giả da màu đen và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành: 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ số tiền 1.700.000đ để đảm bảo thi hành án.

(theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 27/4/2023),

4. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

Buộc các bị cáo: Nguyễn Văn T, Trịnh Huy H, Trần Văn C, Trịnh Minh D, Trịnh Tiến T, Nguyễn C H1, Trịnh Bá Ch mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã M;
- CQCSĐT CA huyện Cẩm Khê;
- THADS huyện Cẩm Khê;
- THAHS;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ+VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Tiến Nghị